TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2018/HNGĐ-PT
Ngày: 06 - 11 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thành Lập
Ông Huỳnh Văn Út

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Yến Phương là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2018/TLPT-HNGĐ ngày 24 tháng 9 năm 2018 về việc " Tranh chấp ly hôn và chia tài sản chung".

Do bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 197/2018/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 238/2018/QĐ-PT ngày 04 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị M, sinh năm 1994. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp M C, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Bị đơn*: Anh Bùi Linh Đ, sinh năm 1993. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Phan Thị P, sinh năm 1973 (Có mặt).

2. Ông Bùi Văn S, sinh năm 1971 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp M B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Ông Bùi Văn S ủy quyền cho bà Phan Thị P theo giấy ủy quyền ký ngày 24/10/2018.

- *Người kháng cáo:* Chị Lê Thị M là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Lê Thị M trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị M và anh Bùi Linh Đ chung sống, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã K, huyện T (Giấy chứng nhận kết hôn số 58 ngày 26/3/2018). Sau thời gian chung sống, vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị M yêu cầu được ly hôn.

Về con chung: Chị M xác định không có.

Về tài sản chung: Chị M xác định, khi chị và anh Đ cưới nhau, gia đình bên chồng có cho anh và chị 10 chỉ vàng 24k và 07 chỉ 04 phân vàng 18k. Khi về bên chồng sinh sống, mẹ chồng là bà Phan Thị P có kêu chị đưa lại 10 chỉ vàng 24k để cho bà P giữ giùm, hiện tại chị M chỉ quản lý 07 chỉ 04 phân vàng 18k. Nay, chị M yêu cầu cha mẹ chồng là bà Phan Thị P và ông Bùi Văn S trả lại số vàng 10 chỉ vàng 24k, cùng 07 chỉ 04 phân vàng 18k để chị M và anh Đ chia đôi, mỗi người được hưởng ½ số vàng trên.

Nợ chung: Chị M xác định không có.

Đối với bị đơn Bùi Linh Đ: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử phúc thẩm, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; giấy triệu tập; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh Đ cũng không đến, cũng không có văn bản nêu ý kiến về việc khởi kiện của chị M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị P và ông Bùi Văn S cùng trình bày: Ông, bà có cho anh Đ và chị M trong ngày cưới số vàng đúng như chị M trình bày. Sau khi cưới, anh Đ và chị M sinh sống cùng với gia đình ông bà. Ngày 09/4/2018 âm lịch, trong lúc anh Đ không có ở nhà, chị M tự bỏ nhà đi mà không báo cho ông, bà biết. Ông, bà có làm tờ cớ đến chính quyền ấp Mũi Tràm B về việc chị M bỏ nhà ra đi và mang theo toàn bộ số vàng nêu trên. Do ông, bà không giữ vàng giùm nên không đồng ý về việc chị M yêu cầu trả lại 10 chỉ vàng 24k.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 197/2018/HNGĐ-ST ngày 16/8/2018, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M về việc ly hôn với anh Đ.

Không chấp nhận yêu cầu của chị M về việc yêu cầu bà Phan Thị P và ông Bùi Văn S hoàn trả 10 chỉ vàng 24k.

Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Bùi Linh Đ.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Chị Lê Thị M được hưởng: 01 đôi bông tai 07 phân vàng 18k; 01 nhẫn cưới 07 phân vàng 18k; 08 chiếc vòng đeo tay 06 chỉ vàng 18k và 01 tấm lắc 04 chỉ vàng 24k. Anh Bùi Linh Đ được hưởng: 01 sợi dây chuyền và mặt 06 chỉ vàng 24k. Do hiện nay chị M đang quản lý toàn bộ số vàng trên, chị M được tiếp tục được hưởng số vàng như đã phân chia; buộc chị M có trách nhiệm giao lại

cho anh Đ 01 sợi dây chuyền và mặt là 06 chỉ vàng 24k khi án có hiệu lực pháp luật.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 30 tháng 8 năm 2018, chị Lê Thị M có đơn kháng cáo với nội dung yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết sửa án sơ thẩm, không buộc chị phải giao lại 06 chỉ vàng 24k cho anh Bùi Linh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Thị M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử tiến hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng và các đương sự cũng chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ của các đương sự được pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị M và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đối với các quyết định của án sơ thẩm về hôn nhân, về con chung, về nợ chung, các đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên đã phát sinh hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Bùi Linh Đ là bị đơn, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với ông Bùi Văn S là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có ủy quyền cho bà Phan Thị P.

[3] Xét kháng cáo của chị Lê Thị M về việc không đồng ý giao lại 01 sợi dây chuyền và mặt là 06 chỉ vàng 24k cho anh Bùi Linh Đ, thấy rằng:

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị M cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc chị giao 10 chỉ vàng 24k cho bà P giữ, trong khi bà P vẫn xác định không có giữ vàng giùm như chị M trình bày. Hơn nữa, thời điểm chị M bỏ nhà đi thì bà P và ông S có làm Tờ cớ đến chính quyền địa phương trình báo về việc chị M tự ý bỏ nhà đi và mang toàn bộ số vàng nêu trên. Do đó, Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời không chấp nhận yêu cầu của chị M về việc yêu cầu bà P và ông S trả lại 10 chỉ vàng 24k là có căn cứ.

Quá trình giải quyết ở cấp sơ thẩm, chị M xác định số vàng được cha mẹ chồng cho trong ngày cưới gồm: 01 đôi bông tai 07 phân vàng 18k; 01 nhẫn cưới 07 phân vàng 18k; 08 chiếc vòng đeo tay 06 chỉ vàng 18k và 10 chỉ vàng 24k (01 tấm lắc 04 chỉ vàng 24k; 01 sợi dây chuyền và mặt 06 chỉ vàng 24k) là tài sản chung của vợ chồng, khi ly hôn chị yêu cầu được chia đôi là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, tại đơn kháng cáo chị M lại không đồng ý chia 06 chỉ vàng 24k cho anh Đ và cho rằng toàn bộ số vàng

được cha mẹ chồng cho trong ngày cưới là tài sản riêng của chị là không có cơ sở chấp nhận. Hơn nữa, việc Tòa án cấp sơ thẩm chia cho anh Đ được hưởng 06 chỉ vàng 24k là đã xem xét chia tài sản có lợi cho chị M.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Lê Thị M, giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

[4] Tuy nhiên, việc cấp sơ thẩm tuyên buộc chị M có trách nhiệm giao lại cho anh Đ 01 sợi dây chuyền và mặt là 06 chỉ vàng 24k sẽ gây khó khăn trong việc thi hành án, chỉ nên tuyên buộc chị M giao lại cho anh Đ 06 chỉ vàng 24k là đủ. Tuy án phúc thẩm có sửa về cách tuyên, nhưng giá trị số vàng vẫn không đổi, do đó không cần thiết sửa án sơ thẩm, chỉ nêu để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[5] Đối với phần án phí, do nhầm lẫn trong khâu tính toán số liệu nên bản án sơ thẩm tuyên chưa chính xác về phần án phí phải nộp đối với chị Lê Thị M và phần dự nộp án phí của chị M, do đó cấp phúc thẩm điều chỉnh lại cho chính xác. Việc điều chỉnh này không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án và có lợi cho chị M nên cũng không cần thiết phải sửa án sơ thẩm.

[6] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên chị M phải chịu theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Lê Thị M. Giữ nguyên bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 197/2018/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau.

Về tài sản chung:

Chị Lê Thị M được hưởng: 01 đôi bông tai 07 phân vàng 18k; 01 nhẫn cưới 07 phân vàng 18k; 08 chiếc vòng đeo tay 06 chỉ vàng 18k và 01 tấm lắc 04 chỉ vàng 24k.

Anh Bùi Linh Đ được hưởng: 01 sợi dây chuyền và mặt 06 chỉ vàng 24k.

Do hiện nay chị M đang quản lý toàn bộ số vàng trên, chị M được tiếp tục được hưởng số vàng như đã phân chia; buộc chị M có trách nhiệm giao lại cho anh Đ 06 chỉ vàng 24k.

Án phí sơ thẩm:

- Án phí hôn nhân và gia đình, chị M phải nộp 300.000 đồng; Án phí chia tài sản chung, chị M phải nộp 1.657.000 đồng (đã làm tròn số). Tổng cộng chị Lê Thị M phải nộp 1.957.000 đồng (Một triệu chín trăm năm mươi bảy ngàn đồng). Ngày 20/6/2018 chị M đã dự nộp 943.000 đồng theo biên lai số 0008314 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được đối trừ, chị M còn phải nộp tiếp 1.014.000 (Một triệu không trăm mười bốn ngàn đồng).

- Anh Bùi Linh Đ phải nộp 1.038.000 đồng (Một triệu không trăm ba mươi tám ngàn đồng) án phí chia tài sản chung (Chưa nộp).

Án phí phúc thẩm: Chị Lê Thị M phải chịu 300.000 đồng, chị M đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008609, ngày 30/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời, được chuyển thu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- UBND xã K, huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT, (TM:TANDTCM).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Cao Khánh